

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/DS-PT  
Ngày: 24-8-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Đồng;

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Kim Sang; bà Trương Thị Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLPT-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1967; cư trú tại: Khu phố N, phường Ninh T, thành phố T, tỉnh T; có mặt;

*Bị đơn:* Ông Phan Văn C, sinh năm 1972; bà Huỳnh Nhân H, sinh năm 1976; cùng cư trú tại: Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh T; ông C có mặt; bà H vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Từ tháng 6-2016, bà có cho ông Phan Văn C vay tiền nhiều lần, tổng cộng 145.000.000 đồng và cho vay vàng trả bằng tiền trị giá 30.000.000 đồng.

Bà đòi nhiều lần nhưng ông C né tránh không trả. Vào ngày 19-6-2016, bà Huỳnh Nhân H là vợ của ông C đã trả 70.000.000 đồng, bà có viết cho bà H 01

giấy trả tiền, nội dung là nhận đủ 145.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nhận 70.000.000 đồng, còn nợ lại 75.000.000 đồng.

Đến ngày 09-8-2016, ông C viết giấy nợ bà số tiền 110.000.000 đồng (trong đó gồm 75.000.000 đồng còn nợ lại trong giấy trả tiền 19-6-2016 và 30.000.000 đồng là tiền trả nợ vàng và tiền lãi chuộc vàng).

Bà khởi kiện yêu cầu ông C và bà H trả số tiền 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

*Bị đơn - ông Phan Văn C trình bày:*

Ông có vay tiền trả góp của bà T nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 09-11-2015, vay 30.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng; trả góp trong 55 ngày, mỗi ngày phải góp 600.000 đồng. Ông đã góp được 30 ngày với số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng.

- Ngày 11-12-2015, vay 12.000.000 đồng cộng với 15.000.000 còn nợ, thành 30.000.000 đồng, mỗi ngày phải góp 600.000 đồng. Ông đã góp được 28 ngày với số tiền 16.800.000 đồng, còn nợ 16.200.000 đồng.

- Ngày 20-12-2015, vay thêm và cộng vào số tiền còn nợ 16.200.000 đồng, thành 30.000.000 đồng và vay trả góp thêm một khoản khác là 30.000.000 đồng nên tổng cộng nợ 60.000.000 đồng (1).

- Ngày 15-01-2016, vay 30.000.000 đồng, trả góp 55 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Ông đã góp được 30 ngày với số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng (2).

- Ngày 20-3-2016, vay 30.000.000 đồng, góp mỗi ngày 600.000 đồng. Ông đã góp được 25 ngày số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng tiền lãi. Do lần này bà T không yêu cầu trả lãi nên còn nợ 15.000.000 đồng (3).

Tổng các khoản nợ tiền là  $(1) + (2) + (3) = 90.000.000$  đồng.

Ngoài ra, ông còn vay vàng trả góp của bà T sau đó mang vàng đi thế chấp lấy tiền, thỏa thuận khi trả tính bằng tiền theo giá trị vàng, cụ thể là: Ngày 19-01-2016 vay 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 05 chỉ, tính thành tiền là 24.000.000 đồng, trả góp hàng tuần. Ông đã trả nhiều lần như sau: Ngày 26-01-2016 trả 1.000.000 đồng; ngày 29-01-2016 trả 1.000.000 đồng; ngày 08-02-2016 trả 2.000.000 đồng, ngày 26-02-2016 trả 2.000.000 đồng, ngày 07-3-2016 trả 4.000.000 đồng, ngày 03-4-2016 trả 2.000.000 đồng; tổng cộng đã trả 12.000.000 đồng.

Ngày 05-5-2016, bà T đi chuộc lại vàng mà ông thế chấp với số tiền 47.270.000 đồng (trong đó tiền thế chấp vàng là 30.000.000 đồng và tiền lãi thế chấp vàng là 17.270.000 đồng), trừ đi 12.000.000 đồng ông đã trả góp nên còn

nợ 35.270.000 đồng. Vào ngày 03-4-2016 ông trả 4.200.000 đồng, còn nợ 31.270.000 đồng, bà T chỉ tính số tròn là 31.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ tiền và nợ vàng là 121.000.000 đồng.

Do không còn khả năng trả nợ nên ông bỏ trốn, bà T đến nhà gặp vợ ông là bà Huỳnh Nhân H đòi nhiều lần, tính hết tiền vay gốc, tiền vay vàng và tiền lãi tổng cộng là 145.000.000 đồng. Ngày 22-7-2016 (nhằm ngày 19-6-2016 âm lịch) bà H đã trả cho bà T 145.000.000 đồng, việc trả có làm giấy tay ghi rõ đã trả đủ không còn nợ bà T đồng nào, bà T ghi đã nhận đủ 145.000.000 đồng, hoàn toàn không có việc nhận 70.000.000 đồng nợ lại 75.000.000 đồng như bà T khai.

Ông có nợ bà T nhưng đã trả xong từ ngày 19-6-2016 âm lịch, từ đó về sau không qua lại, không liên lạc với bà T, giấy nợ 110.000.000 đồng là giấy viết trong quá trình vay trả góp và cộng, nhập nợ của các lần vay, viết trước ngày trả 145.000.000 đồng, bà T tự ý điền “9/8/2016” vào để kiện là không đúng, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Bị đơn - bà Huỳnh Nhân H trình bày:*

Khi chồng bà là ông Phan Văn C vay tiền và vàng của bà Nguyễn Thị Kim T bà không biết. Đến tháng 5-2016, ông C bỏ nhà đi, bà T đến nhà bà đòi nợ nhiều lần và gọi điện khủng bố tinh thần nên vào ngày 22-7-2016 (nhằm ngày 19-6-2016 âm lịch) bà đã trả hết các khoản tiền bà T đòi, tổng cộng là 145.000.000 đồng, việc trả tiền hai bên có viết giấy, bà T ký nhận. Ông C không còn nợ bà T nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Kết luận Giám định số: 306/KL-KTHS ngày 27-4-2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Tây Ninh kết luận:* Chữ số “9/8/2016” và các chữ viết khác trong giấy mượn tiền có tên người mượn Phan Văn C, số tiền mượn 110.000.000 đồng là không phải do cùng một người viết ra.

*Bản án Dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:*

Căn cứ vào Điều 372 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Phan Văn C, bà Huỳnh Nhân H đòi số tiền vay 110.000.000 đồng và tiền lãi; ghi nhận ông C chịu 2.040.000 đồng tiền chi phí giám định, đã nộp xong.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, bà Nguyễn Thị Kim T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H trả cho bà 110.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T giữ nguyên kháng cáo.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

**[1]** Bà Nguyễn Thị Kim T khai ông Phan Văn C còn nợ số tiền 110.000.000 đồng, gồm: 75.000.000 đồng đã ký nhận theo “Giấy trả tiền” ngày 22-7-2016 và 35.000.000 đồng tiền nợ vàng và tiền lãi chuộc vàng là không có căn cứ, bởi vì:

- Theo Giấy trả tiền 22-7-2016 (bút lục số 27) ghi: “...trả cho chị Nguyễn Thị Kim T 145.000.000 đồng, đã hoàn thành hết số tiền, không còn thiếu chị T đồng nào”, bà T ký tên và ghi: “...đã nhận đủ 145.000.000 đồng”. Bà T cho rằng chỉ nhận 70.000.000 đồng không phải 145.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà H không thừa nhận;

- Giấy tính tiền ghi ngày 19-01-2016 (bút lục số 43) do ông C cung cấp, bà T thừa nhận đúng là chữ viết của bà T, nội dung thể hiện nợ vàng tính thành tiền, sau khi trừ số tiền đã trả góp còn lại 31.000.000 đồng. Như vậy, số nợ vàng ông C và bà T đã tính toán với nhau vào ngày 19-01-2016, trước ngày bà H trả số tiền 145.000.000 đồng khoảng 06 tháng; trong giấy trả tiền ghi rõ là “không còn thiếu chị T đồng nào”;

- Bà T cho rằng ông C viết giấy nợ 110.000.000 đồng vào ngày 09-8-2016 là không có căn cứ vì theo Kết luận Giám định số: 306/KL-KTHS ngày 27-4-2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: Chữ số “9/8/2016” ghi trong giấy nợ 110.000.000 đồng do ông C viết là không phải do cùng một người viết ra.

Ông C khai giấy nợ 110.000.000 đồng là giấy ông viết trước khi tổng kết nợ, nợ tiền và nợ vàng đã được bà H trả xong, ông không còn nợ khoản tiền hay vàng nào của bà T là có căn cứ.

**[2]** Số tiền, vàng ông C nợ bà T đã được trả xong theo “Giấy trả tiền” 22-7-2016, là căn cứ chấm dứt nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 372 của Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Kháng cáo của bà T không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 372, Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T .

**2.** Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Phan Văn C, bà Huỳnh Nhân H, về việc yêu cầu trả số tiền vay 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

2.2. Ghi nhận ông Phan Văn C tự nguyện chịu 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn chục nghìn) đồng tiền chi phí giám định, đã nộp xong.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 5.500.000 đồng, được trừ vào 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0004772 ngày 10-11-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn lại phải nộp là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm chục nghìn) đồng.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005592 ngày 11-6-2018, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- VKSND. TTN;
- TAND. TPTN;
- Chi cục THADS. TPTN;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Thị Đồng**

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Đồng**